

PHỤ LỤC 1

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ TẠM GIAO NĂM 2026 VÀ SỐ VIÊN CHỨC CÓ MẶT
CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố)

STT	Đơn vị, địa phương	Biên chế tạm giao năm 2026	Viên chức có mặt	Chưa tuyển dụng	Ghi chú
TỔNG CỘNG (I + II):		37.331	33.627	3.704	
I	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	5.580	5.391	189	
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÔNG LẬP TRỰC THUỘC MỘT SỐ UBND XÃ, PHƯỜNG	31.751	28.236	3.515	
1	Phường Hải Châu	1.314	1.190	124	
2	Phường Hòa Cường	867	788	79	
3	Phường Thanh Khê	1.595	1.430	165	
4	Phường An Khê	667	601	66	
5	Phường An Hải	699	636	63	
6	Phường Sơn Trà	712	642	70	
7	Phường Ngũ Hành Sơn	947	839	108	
8	Phường Hòa Khánh	1.017	902	115	
9	Phường Liên Chiểu	455	419	36	
10	Phường Hải Vân	480	408	72	
11	Phường Cẩm Lệ	605	554	51	
12	Phường Hòa Xuân	698	627	71	
13	Phường Tam Kỳ	429	424	5	
14	Phường Quảng Phú	253	249	4	
15	Phường Bàn Thạch	395	395	0	
16	Phường Hương Trà	271	265	6	
17	Phường Điện Bàn	408	367	41	
18	Phường Điện Bàn Đông	728	623	105	
19	Phường An Thắng	332	298	34	
20	Phường Điện Bàn Bắc	312	279	33	
21	Phường Hội An	461	386	75	
22	Phường Hội An Đông	247	208	39	
23	Phường Hội An Tây	344	291	53	

STT	Đơn vị, địa phương	Biên chế tạm giao năm 2026	Viên chức có mặt	Chưa tuyển dụng	Ghi chú
24	Xã Hòa Vang	331	306	25	
25	Xã Hòa Tiến	443	413	30	
26	Xã Bà Nà	289	251	38	
27	Xã Núi Thành	649	606	43	
28	Xã Tam Mỹ	226	192	34	
29	Xã Tam Anh	296	269	27	
30	Xã Đức Phú	137	119	18	
31	Xã Tam Xuân	382	366	16	
32	Xã Tam Hải	79	71	8	
33	Xã Tây Hồ	342	322	20	
34	Xã Chiên Đàn	329	316	13	
35	Xã Phú Ninh	238	218	20	
36	Xã Lãnh Ngọc	216	182	34	
37	Xã Tiên Phước	349	315	34	
38	Xã Thạnh Bình	292	261	31	
39	Xã Sơn Cẩm Hà	238	209	29	
40	Xã Trà Liên	149	148	1	
41	Xã Trà Giáp	143	142	1	
42	Xã Trà Tân	141	136	5	
43	Xã Trà Đốc	244	242	2	
44	Xã Trà My	350	350	0	
45	Xã Nam Trà My	173	104	69	
46	Xã Trà Tập	194	120	74	
47	Xã Trà Vân	136	79	57	
48	Xã Trà Linh	163	107	56	
49	Xã Trà Leng	171	109	62	
50	Xã Thăng Bình	541	493	48	
51	Xã Thăng An	550	485	65	
52	Xã Thăng Trường	277	244	33	
53	Xã Thăng Điện	399	368	31	
54	Xã Thăng Phú	170	145	25	
55	Xã Đồng Dương	229	217	12	
56	Xã Quế Sơn Trung	367	332	35	
57	Xã Quế Sơn	355	321	34	
58	Xã Xuân Phú	333	302	31	
59	Xã Nông Sơn	228	165	63	
60	Xã Quế Phước	191	150	41	
61	Xã Duy Nghĩa	326	283	43	
62	Xã Nam Phước	508	472	36	
63	Xã Duy Xuyên	320	288	32	
64	Xã Thu Bồn	358	316	42	

STT	Đơn vị, địa phương	Biên chế tạm giao năm 2026	Viên chức có mặt	Chưa tuyển dụng	Ghi chú
65	Xã Điện Bàn Tây	407	355	52	
66	Xã Gò Nổi	248	212	36	
67	Xã Tân Hiệp	33	25	8	
68	Xã Đại Lộc	657	586	71	
69	Xã Hà Nha	374	298	76	
70	Xã Thượng Đức	239	182	57	
71	Xã Vu Gia	288	242	46	
72	Xã Phú Thuận	278	229	49	
73	Xã Thanh Mỹ	176	156	20	
74	Xã Bến Giằng	174	160	14	
75	Xã Nam Giang	116	105	11	
76	Xã Đắc Pring	76	66	10	
77	Xã La Dêê	66	61	5	
78	Xã La Êê	61	57	4	
79	Xã Sông Vàng	129	129	0	
80	Xã Sông Kôn	170	125	45	
81	Xã Đông Giang	210	190	20	
82	Xã Bến Hiên	107	81	26	
83	Xã Avương	125	116	9	
84	Xã Tây Giang	238	231	7	
85	Xã Hùng Sơn	176	174	2	
86	Xã Hiệp Đức	230	176	54	
87	Xã Việt An	291	235	56	
88	Xã Phước Trà	178	160	18	
89	Xã Khâm Đức	167	148	19	
90	Xã Phước Năng	148	136	12	
91	Xã Phước Chánh	99	74	25	
92	Xã Phước Thành	108	97	11	
93	Xã Phước Hiệp	94	75	19	